TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VT
TỈNH BR- VT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019
Về việc:**"** *Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT,TỈNH BR-VT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Miện
Ông Hà Văn Trường

-Thư ký phiên toà: Ông Khuất Cao Hoàng -Thư ký Toà án nhân dân thành phố VT

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, xét xử sơ thẩm chịng khai vụ án thụ lý số 1078/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, về việc "*Ly hôn"* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê HN, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú tại Đồi Nhãn, đường BG, Phường 12, thành phố VT, tỉnh BR-VT (có mặt).

Bị đơn: Chị Vũ Thị HP, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú tại đường NGT, Phường 12, thành phố VT, tỉnh BR -VT (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú tại đường 30/4, Phường 12, thành phố VT, tỉnh BR-VT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê HN trình bày:

Anh Lê HN và chị Vũ Thị HP có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND Phường 12, thành phố VT, tỉnh BR – VT vào tháng 01-2016.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh N, chị P chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 6-2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, anh N cảm thấy chị P không tôn trọng anh N và gia đình anh N. Anh

N đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh Lê HN và chị Vũ Thị HP có 01 (một) con chung tên là Lê Vũ LK, sinh ngày 30-6-2016. Nếu ly hôn anh N nhường quyền nuôi con cho chị P và anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000(hai triệu)đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh N yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân là khoản tiền mừng cưới 120.000.000đồng và 17,5 chỉ vàng 9999. Anh N yêu cầu được nhận ½ số tài sản trên.

- Về nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – chị Vũ Thị HP trình bày:

Chị P đồng ý với lời trình bày của anh N về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh N, chị P chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 9-2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề. Nay chị P cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị P đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị P và anh N có 01 con chung tên là Lê Vũ LK, sinh ngày 30-6-2016. Chị P đồng ý nuôi dưỡng con chung. Vì con chung bị bệnh hen suyễn, đang điều trị liên tục và các chi phí ăn uống, học hành nên chị P yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị P không đồng ý với yêu cầu của anh N.

Đối với yêu cầu chia số tiền cưới 120.000.000 đồng và 17,5 chỉ vàng thì chị P không đồng ý. Chị P cho rằng số tiền, vàng trên đã chi phí hết khi tổ chức đám cưới và chi phí trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, đã bán để lo thuốc men chữa bệnh cho con. Chị P chỉ đồng ý trả lại 05 chỉ vàng 9999 cho anh N là số vàng cưới do phía gia đình, họ hàng anh N cho khi kết hôn.

-Về nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S là mẹ ruột của chị P. Thời gian đầu khi chị P và anh N mới kết hôn thì bà S có giữ tiền và vàng cưới của chị P. Tuy nhiên, trong quá trình anh N và chị P chung sống thì bà S đã hoàn trả lại số tiền và vàng cưới cho chị P dùng làm chi phí chữa bệnh cho cháu LK, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình của chị P nên hiện nay bà S không còn giữ tiền và vàng cưới của chị P như anh N trình bày.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến

+Về thủ tục tố tụng: quá trình thụ lý , điều tra, hoà giải, Thẩm phán, Thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

+Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê HN: Ghi nhận anh Lê HN và chị Vũ Thị HP thuận tình ly hôn. Ghi nhận giao con cho chị P nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của anh N; ghi nhận chị P hoàn trả cho anh N 05 chỉ vàng cưới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định :

I/ Về tố tụng:

[1]. Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án: anh Lê HN yêu cầu ly hôn với chị Vũ Thị HP nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn"; chị P có địa chỉ cư trú tại thành phố VT, tỉnh BR-VT. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh BR-VT.

[2]. Xét sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị S, bà S vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX xét xử vắng mặt bà S là phù hợp.

II/ Về nội dung:

[1]. Theo xác nhận của hai bên thì chị Vũ Thị HP và anh Lê HN tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị P và anh N là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh N xác nhận quá trình chung sống họ bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị P thừa nhận không còn tình cảm với anh N nữa, vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt nên đồng ý ly hôn với anh N.

Xét thấy, vợ chồng chị P và anh N mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không tôn trọng, quan tâm chăm sóc cho nhau nên không thỏa mãn điều khoản về tình nghĩa vợ chồng. Cả hai không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do đó, hôn nhân của chị P và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung giữa họ không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên ghi nhận anh N và chị P thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Vũ Thị HP và anh Lê HN có 01con chung là Lê Vũ LK, sinh ngày 30-6-2016. Chị P đồng ý nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đồng/tháng.

Trong khi đó, anh N chỉ đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng. Lý do anh N đưa ra là thu nhập của anh N mỗi tháng là 8.000.000đồng, anh N phải thuê nhà để ở nên cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đồng là quá sức.

Xét thấy, nuôi con là trách nhiệm chung của bố và mẹ. Tuy nhiên, tùy vào hoàn cảnh kinh tế, mức thu nhập của người phải cấp dưỡng mà định lượng mức cấp dưỡng cho phù hợp. Theo các Bảng lương mà anh N cung cấp thì mức lương trung bình của anh N là 8.000.000đồng/tháng, anh N phải thuê nhà để ở, chị P cũng thừa nhận mức thu nhập của anh N như trên. Chị P đang có nhà riêng, có việc làm, có mức thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà anh N đưa ra 2.000.000đồng/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:

Xét yêu cầu của anh N thì thấy: Chị P và bà S đều thừa nhận khi anh N, chị P tổ chức lễ cưới thì có số tiền mừng cưới là 120.000.000đồng và 17,5 chỉ vàng. Tuy nhiên, bà S xác định trong quá trình anh N và chị P chung sống thì bà S đã hoàn trả lại số tiền và vàng cưới cho chị P dùng làm chi phí chữa bệnh cho cháu LK, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình của chị P nên hiện nay bà S không còn giữ tiền và vàng cưới của chị P như anh N trình bày.

Chị P xác nhận tiền mừng cưới, chị dùng để trang trải chi phí cưới, thai nghén, sinh nở và chữa bệnh cho con nên không còn. Chị P cung cấp các chứng từ thì cháu Lê Vũ LK bị Hen bậc 3 nên phải thường xuyên khám, chữa bệnh, phù hợp Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, ý kiến trình bày của chị P là có căn cứ.

Anh N thừa nhận không có chứng cứ chứng minh số tiền anh yêu cầu vẫn còn. Do đó, HĐXX thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là tiền, vàng mừng cưới của anh N.

Tại tòa chị P đồng ý hoàn lại cho anh N 05(năm)chỉ vàng cưới 24K quy đổi thành 20.500.000đồng, phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

-Về nợ chung: anh N và chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê HN phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 51, Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,b Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê HN đối với chị Vũ Thị HP về việc ‘Ly hôn”

-Về hôn nhân: Ghi nhận anh Lê HN và chị Vũ Thị HP thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị Vũ Thị HP và anh Lê HN có 01 con chung là Lê Vũ LK, sinh ngày 30-6-2016. Chị P được tiếp tục nuôi con, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu)đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật, chấm dứt khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê HN có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung: chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung là tiền, vàng mừng cưới của anh Lê HN. Ghi nhận chị Vũ Thị HP hoàn trả cho anh N 05(năm chỉ)vàng 24K quy đổi thành 20.500.000 (hai mươi triệu năm trăm nghìn)đồng.

-Về nợ chung: anh N và chị P không yêu cầu giải quyết.

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê HN phải nộp 300.000(ba trăm nghìn)đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nộp 300.000(ba trăm nghìn)đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và nộp 1.025.000(một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn)đồng án phí thụ hưởng tài sản được chia; anh N được khấu trừ 300.000(ba trăm nghìn)đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002344 ngày 16-10-2019; được khấu trừ 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn)đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002343 ngày 16-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT hoàn lại cho anh Lê HN 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn)đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án (đối với đương sự vắng mặt cũng 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BR -VT xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XU&3 SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKS TP VT
-Tòa án tỉnh BR-VT
-Chi cụcTHA TP VT
-Gửi đương sự,
Lưu hồ sơ